

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2022
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H và ông Mai Văn D.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H, Cán bộ Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị H, Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2022, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh H;

* *Bị đơn:* Anh Vũ Văn H, sinh năm 1980; “vắng mặt”

Địa chỉ: Số 146 đường Nguyễn Trung Trực, khóm 1, phường C, thành phố C, tỉnh C;

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu Vũ Diệu Q, sinh ngày 18/3/2008; “vắng mặt”

- Cháu Vũ Xuân B, sinh ngày 18/3/2012; “vắng mặt”

Đều cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh H;

Người đại diện hợp pháp cho cháu Q, cháu B: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn H là bố mẹ đẻ của các cháu.

* *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1947; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H ngày 14/01/2022; văn bản ghi ý kiến ngày 17/01/2022, biên bản ghi lời khai của anh Vũ Văn H ngày 09/3/2022 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chị H có quan điểm: Chị và anh Vũ Văn H kết hôn vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh H trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, chị và anh H vào trong thành phố C, tỉnh C công tác tại trường cao đẳng y tế tỉnh C. Do bị mất giấy chứng nhận kết hôn nên đến ngày 14/10/2016 chị và anh H lại đi đăng ký kết hôn lại tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh C. Quá trình chung sống, ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách và lối suy nghĩ của mỗi người khác nhau nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong bất kỳ vấn đề gì, từ chuyện ăn uống sinh hoạt, chăm sóc nuôi dạy con chung cũng như trong công việc; ngoài ra, mặc dù anh H có quan tâm đến mẹ con chị về vật chất nhưng lại tHuyên gây áp lực lên tinh thần của chị và các con. Do quá mệt mỏi nên tháng 6 năm 2019 chị đã đưa các con về quê ở thôn N, xã T, huyện P sinh sống, chị và anh H chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng chị cũng đã nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện với nhau, anh H hứa sẽ thay đổi nhưng cũng không thay đổi bất kỳ điều gì. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để mẹ con chị sớm ổn định cuộc sống.

+ Anh H có quan điểm: Về vấn đề kết hôn và đăng ký kết hôn, anh nhất trí quan điểm như chị H trình bày, sau khi kết hôn, anh và chị H chung với nhau một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng sống với nhau không được hòa thuận, không có hạnh phúc. Anh và chị H đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2019 cho đến nay, chị H chuyển về P, H sinh sống, còn anh thì vẫn sinh sống và công tác trong thành phố C, tỉnh C. Từ khi sống ly thân nhau, giữa anh và chị H không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Vũ Diệu Q, sinh ngày 18/3/2008 và Vũ Xuân B, sinh ngày 18/3/2012. Hiện cả hai cháu Q và cháu B đang ở với chị H, ly hôn chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; anh H nhất trí giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và nhất trí cấp dưỡng nuôi cả hai con chung mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Vũ Diệu Q và cháu Vũ Xuân B trình bày:

Hiện nay hai cháu đang ở với chị H và ông ngoại ở T, P, H, cả hai cháu được chị H quan tâm, chăm sóc chu đáo. Thời gian chị H, anh H còn chung sống cùng nhau, các cháu thấy bố mẹ hay xảy ra cãi nhau, còn lý do gì mà bố mẹ cãi nhau thì các cháu không biết. Bố mẹ các cháu không chung sống cùng nhau từ năm

2019 cho đến nay. Nay bố mẹ các cháu ly hôn nhau thì các cháu có nguyện vọng xin được ở cùng với chị H là mẹ của các cháu, việc các cháu xin ở cùng với chị H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai xúi giục hoặc bắt ép các cháu phải lựa chọn.

Người làm chứng (ông Nguyễn Đình D là bố đẻ chị Hương) trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn H có đăng ký kết hôn vào năm 2007 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, cả hai anh chị vào C công tác, đến năm 2019 thì chị H đưa con trai là cháu Vũ Xuân B về quê H sinh sống, ông có hỏi thì được chị H cho biết vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Vợ chồng chị H, anh H sống ly thân nhau từ giữa năm 2019 cho đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh H thì quan điểm của gia đình ông xác định hai anh chị tự đến với nhau nên nếu có ly hôn nhau thì hai anh chị tự quyết định, gia đình ông không có ý kiến gì. Vợ chồng chị H, anh H có 02 con chung là cháu Vũ Diệu Q, sinh ngày 18/3/2008 và Vũ Xuân B, sinh ngày 18/3/2012. Hiện cả hai cháu đang ở với chị H và ông. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác của vợ chồng chị H, anh H có gì hay không thì ông không nắm được; gia đình ông và vợ chồng chị H không có liên quan gì về vấn đề tài sản nên ông không có yêu cầu giải quyết gì về vấn đề tài sản.

UBND xã T, huyện P cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn H có đăng ký kết hôn và vào sổ đăng ký kết hôn số 03 ngày 30/01/2007. Từ khi đăng ký kết hôn đến nay, UBND xã T không nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn cũng như tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng chị H, anh H nên địa phương không nắm được vợ chồng chị H, anh H có mâu thuẫn hoặc có tài sản gì chung hay không. Hiện nay, chị H và hai con đang ở nhà bố đẻ là ông Nguyễn Đình D tại thôn Nại Khê, xã T, huyện P. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh H thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Vũ Văn H vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Vũ Văn H. Về con chung: giao cả hai cháu Vũ Diệu Q, sinh ngày 18/3/2008 và Vũ Xuân B, sinh ngày 18/3/2012 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q và cháu B đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Q và cháu B đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không có, không yêu cầu nên không đề nghị xem xét,

giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; anh Vũ Văn H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh H vào ngày 30/01/2007 theo quy định của pháp luật. Mặc dù bị đơn anh H hiện đang cư trú tại số nhà 146 đường Nguyễn Trung Trực, khóm 1, phường 8, thành phố C, tỉnh C, nguyên đơn chị H đang cư trú tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh H nhưng cả anh H và chị H đều có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H là nơi cư trú của chị H giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn H kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2007 tại UBND xã T, huyện P theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, cả anh H và chị H đều xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên sống với nhau không được hòa hợp, không có hạnh phúc. Anh H và chị H đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Chị H có đơn xin ly hôn anh H, anh H cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh cũng nhất trí ly hôn. HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Diệu Q, sinh ngày 18/3/2008 và Vũ Xuân B, sinh ngày 18/3/2012, hiện cả hai cháu đang ở với chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Anh H có quan điểm nhất trí giao cả hai cháu Q và cháu B cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q và cháu B đủ 18 tuổi; Các cháu Q và B đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị H. HĐXX xét thấy: Cháu Q và cháu B sống cùng chị H từ khi chị H và anh H sống ly thân nhau cho đến nay, cả hai cháu đều được chị H quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ; khi chị H và anh H ly hôn nhau, để tránh bị xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý cũng như môi trường học tập của các

cháu nên tiếp tục giao cháu Q và cháu B cho chị Hchăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của các cháu Q, cháu B và chị Hcũng như quan điểm của anh H. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Htrình bày, chị làm nghề tự do, thu nhập bình quân khoảng 9.000.000đ/tháng, tuy nhiên các con của chị Hường, anh H đều đang tuổi ăn học cần chi tiêu nhiều khoản, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu nên chị Hyêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi các con chung theo quy định của pháp luật. Anh H đang công tác tại trường cao đẳng y tế tỉnh Cầu Mau, thu nhập bình quân hàng tháng ổn định 10.000.000 đồng/tháng, tại văn bản ghi ý kiến ngày 17/01/2022 anh H cũng có quan điểm nhất trí sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Hường, ghi nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng, mỗi cháu 2.500.000đ/tháng tính từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu Q và cháu B đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hphải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh Vũ Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban THvụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban THvụ Quốc quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị Hđược ly hôn với anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Vũ Diệu Q, sinh ngày 18/3/2008 và cháu Vũ Xuân B, sinh ngày 18/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Htiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q và cháu B đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị Vũ Thị Hđề nuôi dưỡng cháu Q và cháu B mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu Q và cháu B đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Hcó đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi thi hành án xong, nếu anh H không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, anh Vũ Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0006060, ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn. Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Mạnh Q